

XỬ TRÍ NGỪNG TUẦN HOÀN
BASIC LIFE SUPPORT

循環停止處理方式
基本救命術

DR SƠN 黎文山醫生

VĨNH PHÚC, NOVEMBER, 2023

KIẾN THỨC CHUNG 一般知識

Ngừng tuần hoàn có thể xảy ra ở bất cứ nơi đâu.

循環驟停隨時隨地發生在任何人

Khả năng cấp cứu ngừng tuần hoàn thành công thấp (5%).

心臟驟停的搶救成功率低 (5%)

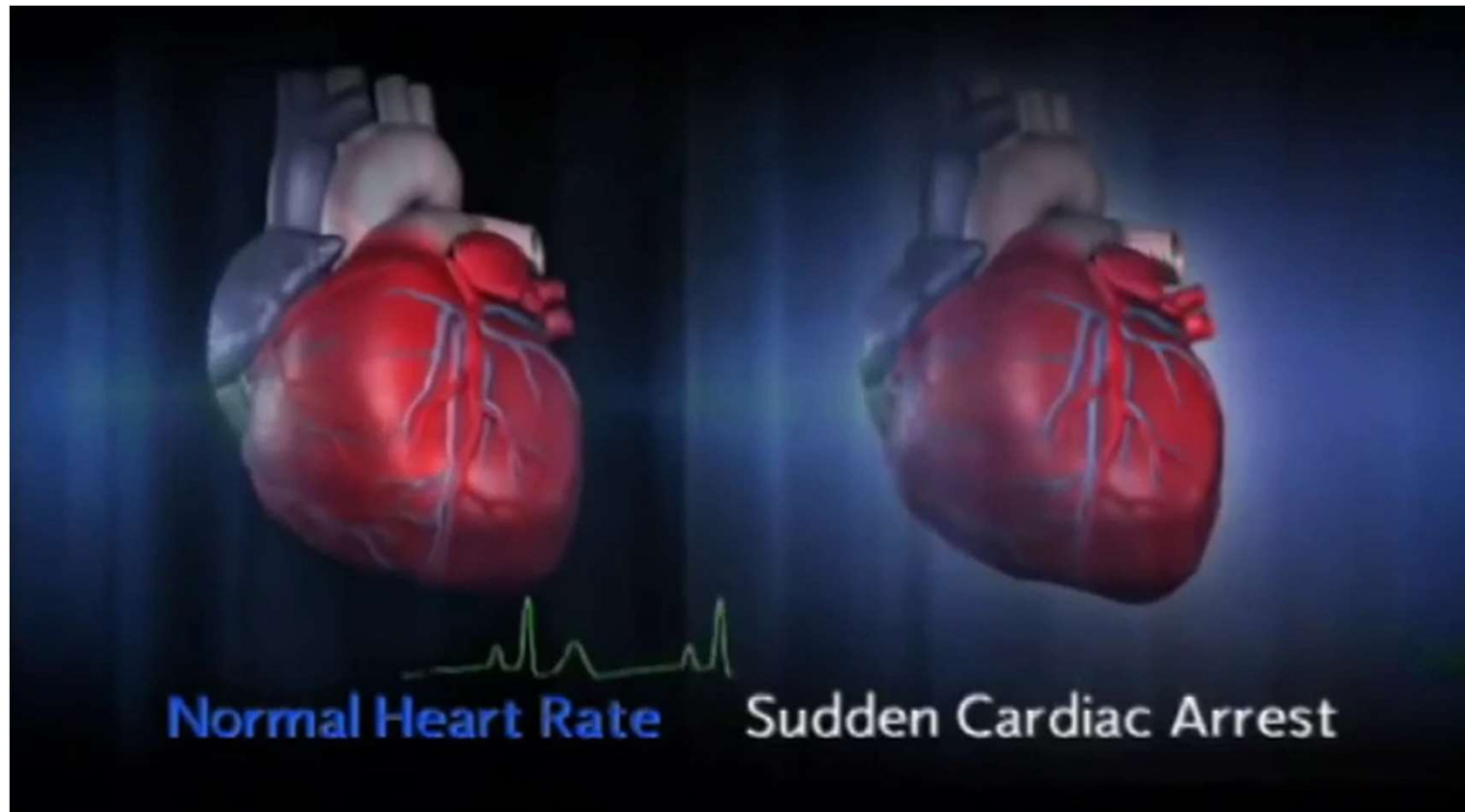
Mỗi phút xử trí chậm làm giảm 10% tỷ lệ sống sót.

每晚一分鐘實行心肺復甦存活率就降低10%.

Người cấp cứu sẽ càng làm chủ được tình huống nếu càng có nhiều kiến thức và kỹ năng về cấp cứu ngừng tuần hoàn
急救人具備越多的知識和正確做法就能更把握狀況

Thế nào là ngưng tuần hoàn hô hấp? 呼吸循環停止是什麼?

- Ngưng thở 停止呼吸
- Ngưng nhát bóp tim hiệu quả 心臟驟停



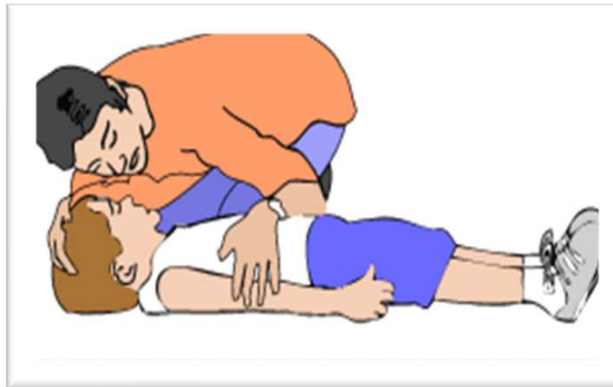
PHÁT HIỆN NGỪNG TIM 心臟驟停症狀

Dựa vào 3
dấu hiệu:

Mất ý thức đột
ngột 突然失去
意識

Ngừng thở
呼吸停止

Mất mạch cảnh
頸動脈搏動消
失



Nguyên tắc khẩn trương và chính xác!

搶救原則：快、準



XỬ TRÍ CẤP CỨU NGỪNG TUẦN HOÀN CƠ BẢN 處理方式



Gọi ngay người hỗ trợ ở xung quanh

呼救身邊的人協助

Gọi ngay số điện thoại cấp cứu 115 撥打115

C - A - B



Compressions



Airway



Breathing

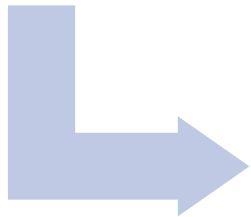
Áp dụng kỹ thuật hồi phục chức năng sống cơ bản:
“CAB technics”.

採用心肺復甦技術“CAB流程”

CBA TECHNICS CBA流程

Hỗ trợ tuần hoàn 循環支持 (Circulation support = C)

Ép tim 胸外按壓(C - Chest compressions)



Kiểm soát đường thở

暢通呼吸道

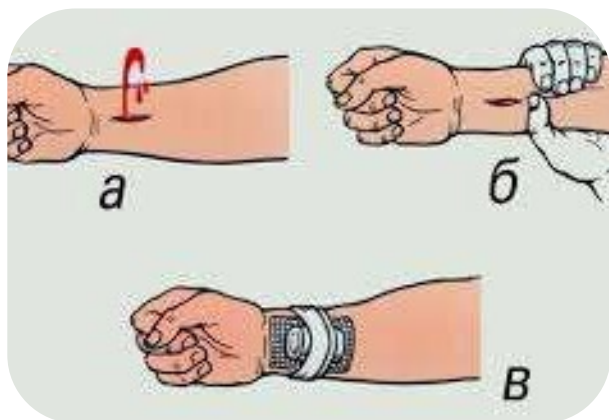
(Airway control = A)



Hỗ trợ hô hấp 呼吸支持

(Breathing support = B)

HỖ TRỢ TUẦN HOÀN 循環支持 (CIRCULATION SUPPORT = C)



Cầm máu nếu
có vết thương
mạch máu gây
mất máu cấp 若
有創傷失血性要
進行止血



Đề nằm đầu
thấp nếu có tụt
huyết áp nặng 若
患者有嚴重減低
血壓，則將患者
平臥頭低



Ép tim 胸外
按壓

CÁCH ÉP TIM 胸外按壓方法

Vị trí 按壓位子

- 1/3 dưới xương ức 胸骨下端三分之一

Cách ép 按壓方式

- Ép nhanh, ép mạnh, không gián đoạn và để ngực phồng lên hết sau mỗi lần ép 用力壓、快速壓、每次按壓後要讓胸部完全回彈，不中斷

Tần số ép tim 次數

- 100 - 120ck/phút 100-120下/分鐘

Biên độ 深度

- 5 - 6cm ở người lớn 大人5-6公分

Tỷ lệ ép tim / thổi ngạt 胸部按壓與吹氣比率

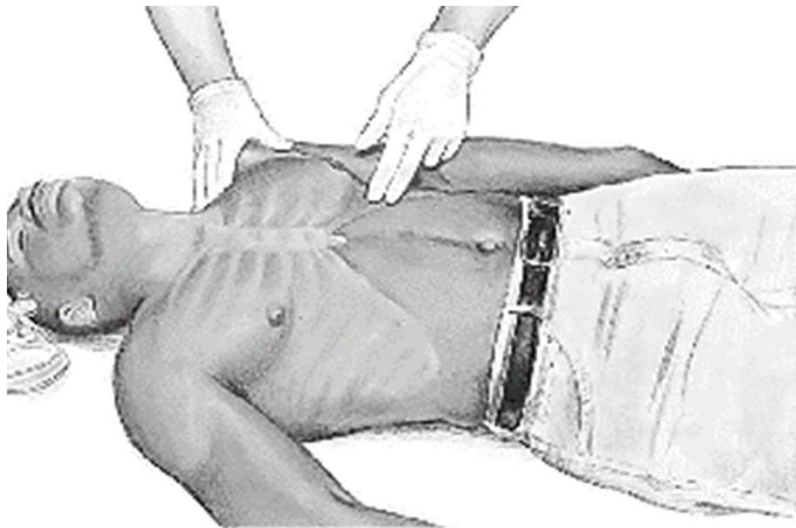
- 30/2 nếu có 1 người cấp cứu, 30/2 如只有單一施救者
- 15/2 khi có 2 người cấp cứu 15/2 如有2各施救者

Kiểm tra mạch 檢查脈搏

- 10s sau mỗi 5 chu kỳ ép tim/ thổi ngạt hoặc sau mỗi 2 phút (chu kỳ ép tim thổi ngạt: 30/2). 每5次胸外按壓/人工呼吸後10秒或每2分鐘 (按壓吹氣比率30/2)

Vị trí ép tim ngoài lồng ngực? 胸外按壓位子

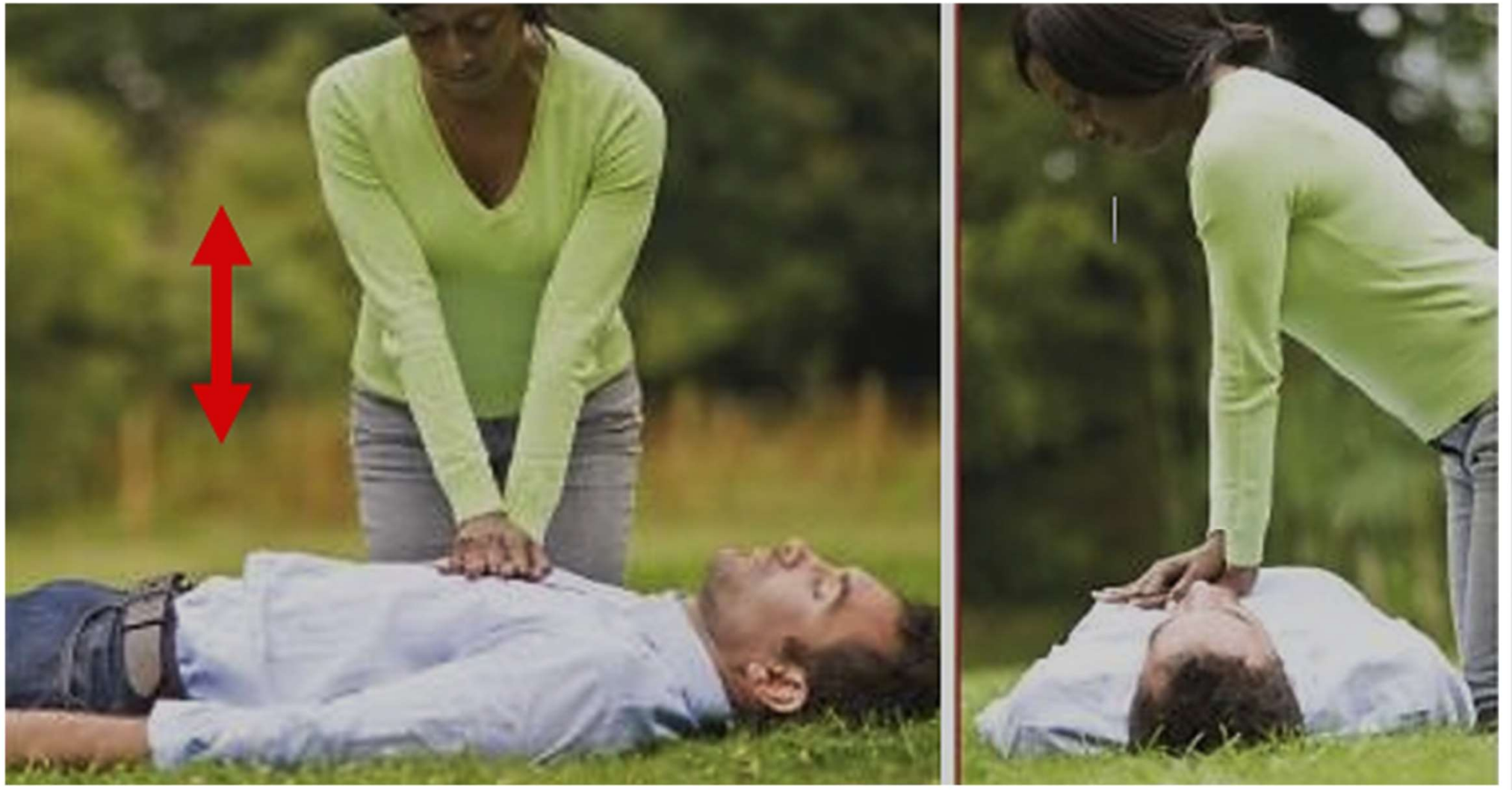
1/3 dưới xương ức
胸骨下端三分之一



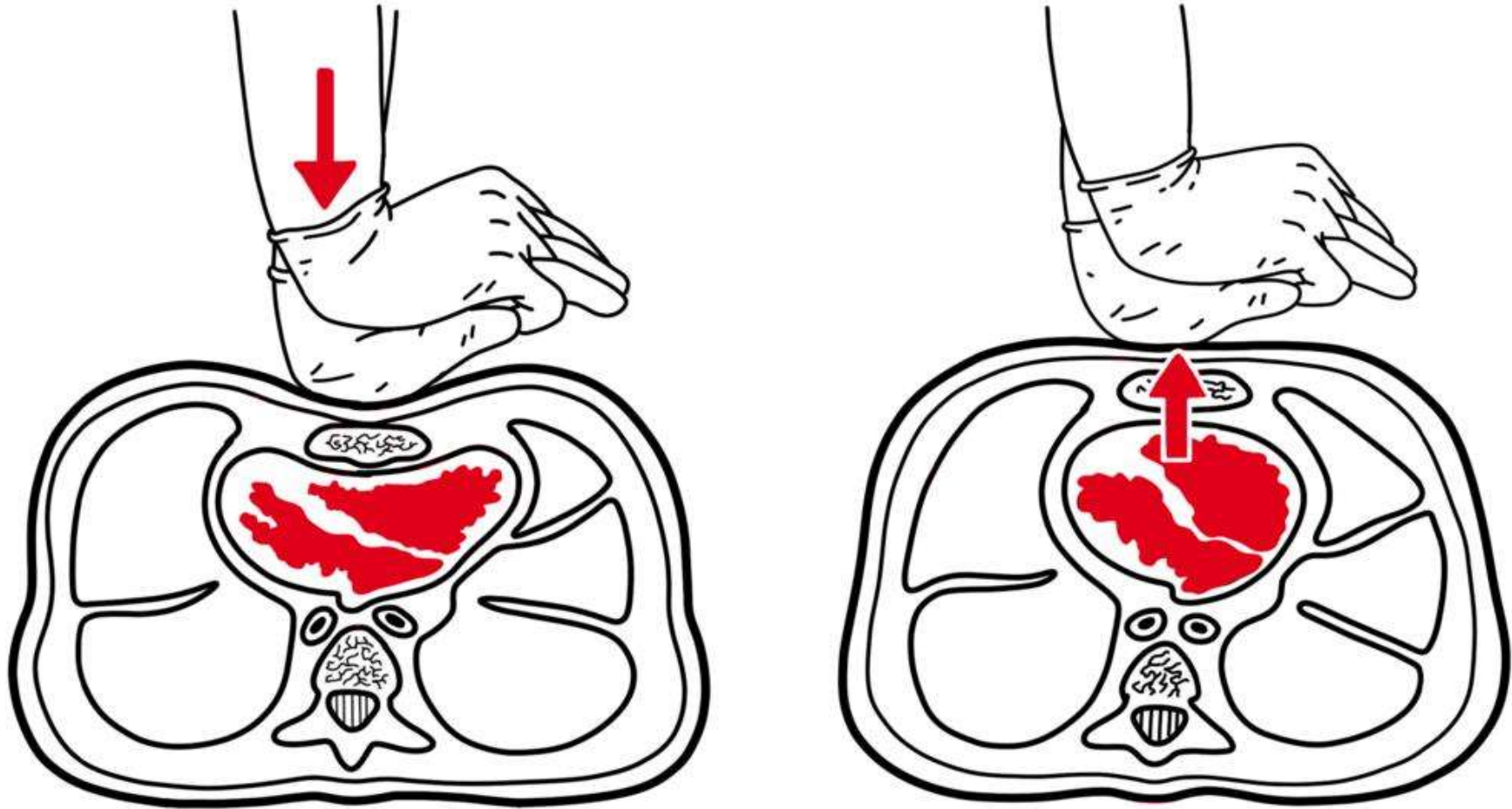
Tư thế 2 bàn tay khi ép tim? 按壓手勢



ÉP TIM NGOÀI LÒNG NGỰC 胸外按壓 (C - Chest compressions)



ÉP TIM NGOÀI LỒNG NGỰC 胸外按壓 (C - Chest compressions)



Ép sâu 5 - 6 cm
深度5-6公分

Kiểm soát
đường thở
順暢呼吸道
(Airway control =
A)

Tư thế ngửa đầu
ra phía sau hoặc
nằm ngửa ưỡn cổ
石頭後仰或壓頭
台下巴



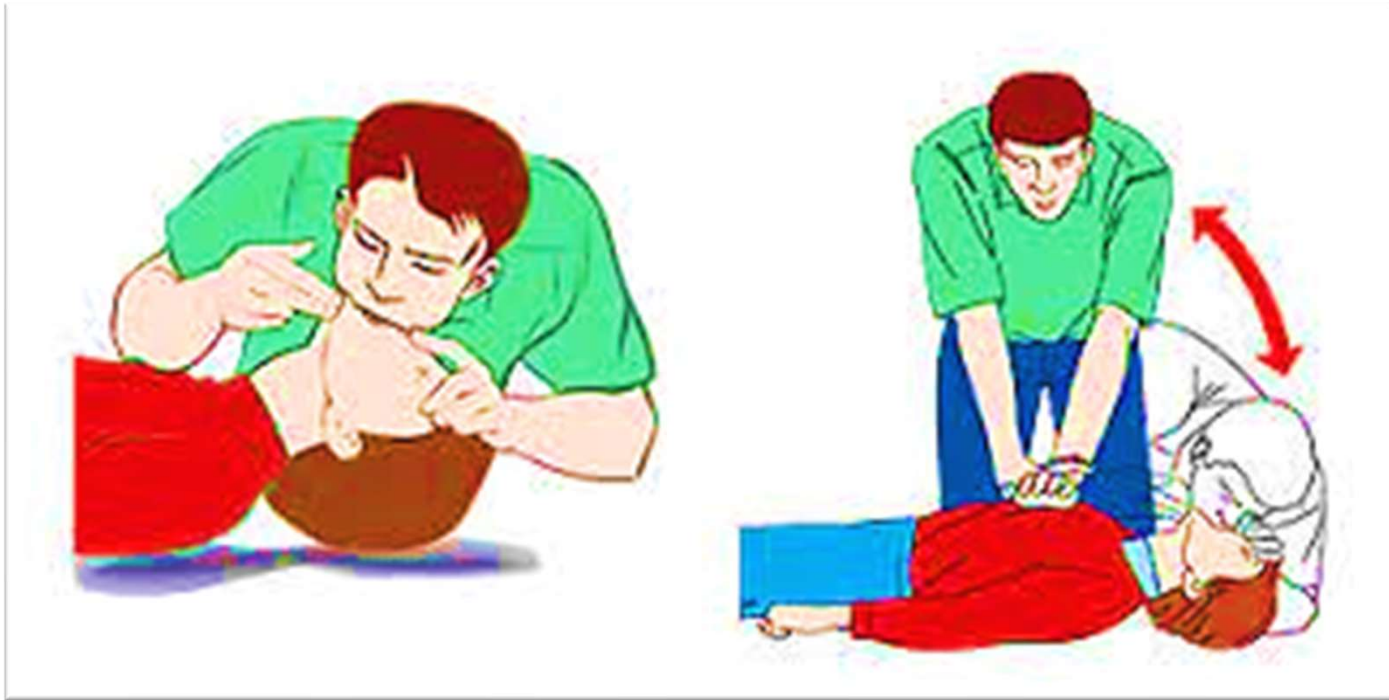
Làm nghiệm pháp
Heimlich nếu có dị
vật đường thở
若呼吸到有異物進
行哈姆立克法



Móc sạch đờm
dãi và các chất
tiết họng miệng
以手指掃除患者
口中



THỞ NGẠT 吹氣



Thực hiện ngay 2 lần liên tiếp 連續吹氣兩次

Kiểm tra mạch: 檢查脈搏

Nếu có mạch thì tiếp tục thổi ngạt . 如果有脈搏，繼續吹氣

Nếu không có mạch thực hiện ép tim/ thổi ngạt theo tỷ lệ 30/2. 若無則按 30/2 比例進行胸外按壓/吹氣

Thời gian thực hiện khoảng 1s, đủ làm lồng ngực phồng lên.
每口氣持續1秒，使胸部有起伏



THANKS FOR YOUR ATTENTION!